TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:78/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-11-2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Khoa

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 158/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19/6/2018 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 18/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2018/QĐST- DS ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp 3, xã Mỹ An, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Ông Đào Văn B, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp 3, xã Mỹ An, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đào Văn B. Về nuôi con chung: Bà T yêu cầu được nuôi 01 người con chung tên Đào Tuấn K, sinh ngày 18/10/2003, bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, còn 02 con chung Đào Thị Ngọc H, sinh ngày 09/9/1991, Đào Thị Ngọc T2, sinh ngày 13/9/1993 hiện nay đã

trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết; Về chia tài sản chung và nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T ly hôn với ông B. Về con chung, giao bà T nuôi con chung tên Đào Tuấn K, sinh ngày 18/10/2003, ông B phải cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo lời trình bày của các bên và tài liệu đã thu thập được xác định:

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T với ông Đào Văn B là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Đào Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông Đào Văn B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T với ông Đào Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 126/KH ngày 16/9/2002 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bà T trình bày nguyên nhân là do ông B xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà, ông B cho rằng bà T sống không chung thủy. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của bà T, Tòa án đã thông báo cho ông B biết và mở phiên hòa giải nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho ông B và bà T giải quyết những bất đồng, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông B không tham gia chứng tỏ ông B không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông với bà T. Tại phiên tòa bà T kiên quyết xin ly hôn với ông B. Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T đối với ông B.

[4] Về nuôi con chung: 02 con chung Đào Thị Ngọc H, sinh ngày 09/9/1991, Đào Thị Ngọc T2, sinh ngày 13/9/1993 hiện nay đã trưởng thành, bà T không yêu

cầu giải quyết. Bà T yêu cầu được nuôi 01 người con chung tên Đào Tuấn K, sinh ngày 18/10/2003, hiện tại con chung đang sống với bà T và bà T cũng có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu K có nêu nguyện vọng được sống với bà T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Đào Tuấn K cho bà T trực tiếp nuôi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy, cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, nhằm góp phần đóng góp chi phí vào việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con để đảm bảo cho con phát triển đầy đủ về mọi mặt. Do đó, bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng là phù hợp nên được chấp nhận. Buộc ông Đào Văn B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 06-11-2018 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Đào Văn B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều: 35, 39, 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều: 56 và 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Đào Văn B.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đào Văn B.

Về nuôi con chung:

Giao bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi 01 người con chung tên Đào Tuấn K, sinh ngày 18/10/2003, ông B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 06-11-2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Mặc dù không được trực tiếp nuôi con chung nhưng ông B có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0003371 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An; Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Ông Đào Văn B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (Ba trăm ngàn)đồng sung công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/11/2018). Ông Đào Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tuấn